

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1991, địa chỉ: số nhà 136/1, ấp LH, xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Hồng Ph, sinh năm 1963, địa chỉ: số nhà 33/1, ấp LH, xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bà Lê Thị M, sinh năm 1937, địa chỉ: số nhà 30/1, ấp LH, xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, địa chỉ: số nhà 129/1, ấp LH, xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965, địa chỉ: số nhà 136/1, ấp LH, xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bị đơn:

Bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1978;

Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: số nhà 70/1, ấp LH, xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965, địa chỉ: số nhà 136/1, ấp LH, xã LT, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Bà Phan Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc K có vay và còn nợ các nguyên đơn số tiền 63.935.000 đồng (sáu mươi ba triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Về thời gian và cách thức thanh toán nợ: Bà Phan Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc K có nghĩa vụ trả số nợ vốn vay là 63.935.000 đồng cho các nguyên đơn cụ thể như sau:

Ngày 25/6/2018, bà Phan Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc K trả cho bà Lê Thị M số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngày 25/7/2018, bà Phan Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc K trả cho bà Lê Thị M số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngày 25/8/2018, bà Phan Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc K trả cho bà Lê Thị M số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Số tiền còn lại là 33.935.000 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng), bà Phan Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc K phải trả liên tục cho các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị Hồng Ph và bà Nguyễn Thị L, mỗi tháng trả số tiền là 4.000.000 đồng, trả tiền vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25 tháng 09 năm 2018 cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

- Về án phí: Bà Phan Thị Kim T và ông Nguyễn Ngọc K tự nguyện liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.598.400 đồng (một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L, bà Nguyễn Thị Hồng Ph, bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 532.000 đồng (năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002086 ngày 07 tháng 3 năm 2018, của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002085 ngày 07 tháng 3 năm 2018, của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Trả lại cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002083 ngày 07 tháng 3 năm 2018, của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 405.000 đồng (bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002084 ngày 07 tháng 3 năm 2018, của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

****Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Văn Tùng